

Số: 470/PGDDĐT-GDMN

Bình Giang, ngày 05 tháng 10 năm 2016

QUI ĐỊNH

Nội dung đánh giá thi đua các trường mầm non huyện Bình Giang Năm học 2016 - 2017

Căn cứ nhiệm vụ năm học, Phòng GD & ĐT quy định nội dung đánh giá thi đua các trường mầm non trong huyện năm học 2016 - 2017, cụ thể như sau:

1. Việc tuyên truyền, triển khai thực hiện các văn bản: 5 điểm

1.1. Triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Phòng GD&ĐT về GDMN (2 điểm).

1.2. Tiếp tục triển khai hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành với việc làm cụ thể, thiết thực, hiệu quả (1 điểm).

1.3. Có nhiều hình thức sinh động, sáng tạo trong công tác phổ biến kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non cho các bậc cha mẹ và tuyên truyền GDMN trong cộng đồng (1 điểm).

1.4. Có ít nhất 2 bài viết đăng trên Website của Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT hoặc báo, tạp chí (Nêu rõ tên bài, ngày đăng, tạp chí đăng ...) (1 điểm)

2. Công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi: 5 điểm

2.1. Huy động nhiều nguồn lực đầu tư CSVC nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn phổ cập (1 điểm).

2.2. Hồ sơ phổ cập đầy đủ; điều tra, thống kê, cập nhật số liệu lên hệ thống chính xác, kịp thời (2 điểm).

2.3. Xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập năm 2016 (2 điểm)

3. Qui mô trường lớp, cơ sở vật chất trường học: 30 điểm

3.1. Quy mô trường, lớp mầm non đáp ứng nhu cầu của phụ huynh và phù hợp với Điều lệ trường mầm non; cơ cấu nhóm lớp cân đối hợp lý (2 điểm).

3.2. Tỷ lệ trẻ đến trường tăng so với năm học trước từ 1% trở lên, huy động nhà trẻ đạt 46,4% trở lên, mẫu giáo đạt 98,5% trở lên, riêng trẻ 5 tuổi đạt 100% (4 điểm).

3.3. Có biện pháp tích cực để qui hoạch giảm các điểm trường, các điểm trường có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tường bao, sân chơi, cổng trường, biển trường, đảm bảo an toàn cho trẻ (4 điểm).

3.4. 100% điểm trường có đủ công trình vệ sinh, có nguồn nước sạch cho trẻ sử dụng (2 điểm).

3.5. Trường có nhà bếp để tổ chức ăn bán trú cho trẻ đảm bảo an, có ít nhất 01 khu trung tâm có bếp ăn bán trú đúng quy cách, đồ dùng thiết bị nhà bếp đầy đủ, an toàn (2 điểm).

3.6. Trường thực hiện theo mô hình “Trường học tăng cường giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non” đảm bảo chất lượng, hiệu quả (1 điểm).

3.7. Có đủ phòng học, phòng chức năng và đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu cho dạy và học, tỷ lệ phòng học kiên cố, đủ diện tích tăng so với năm học trước (5 điểm);

3.8. Xây dựng đề án, tham mưu các cấp lãnh đạo, triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia (10 điểm).

4. Chất lượng chăm sóc, giáo dục: 30 điểm

4.1. Đảm bảo tuyệt đối an toàn về thân thể và tinh thần cho trẻ (2 điểm)

4.2. Phối hợp với y tế khám sức khỏe và tổ chức cân đo, phân loại sức khỏe trẻ theo qui định, phản ánh chính xác thể lực của trẻ. Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng so với đầu năm học, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở mỗi thể không quá 3% (3 điểm).

4.3. Tỷ lệ trẻ được bán trú tại trường tăng so với năm học trước, tỷ lệ trẻ được bán trú đạt 93% trở lên, riêng trẻ 5 tuổi bán trú tại trường đạt 100% (3 điểm).

4.4. 100% công trình vệ sinh được sắp xếp khoa học, trang trí phù hợp với trẻ, có đủ thiết bị đảm bảo an toàn cho trẻ sử dụng; thường xuyên vệ sinh sạch sẽ; Xây dựng được ít nhất 1 nhà vệ sinh là mô hình điểm “Nhà vệ sinh phù hợp với trẻ mầm non” đảm bảo chất lượng hiệu quả (5 điểm).

4.5. Bếp ăn được bố trí, sắp xếp đúng quy trình một chiều; có đủ đồ dùng, trang thiết bị đảm bảo an toàn cháy nổ, an toàn VSTP; có đủ bảng biểu thường xuyên công khai thực đơn và tài chính tới phụ huynh; nâng cao chất lượng tổ chức ăn bán trú (4 điểm).

4.6. Có biện pháp tích cực chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu trong ngày (2 điểm).

4.7. Tăng tỷ lệ trẻ đến trường, nhóm, lớp mầm non so với năm học trước. Giảm tỷ lệ trẻ tại các nhóm lớp độc lập so với năm học trước. 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN (2 điểm).

4.8. Có 90% trở lên số nhóm trẻ được phân tách đúng độ tuổi và có phòng học riêng, trong đó trẻ mẫu giáo đạt 100% (3 điểm).

4.9. Thực hiện đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi nghiêm túc, có chất lượng. Chỉ đạo đánh giá cuối độ tuổi đối với trẻ em 5 tuổi phù hợp, có chất lượng (2 điểm).

4.10. Có nhiều giải pháp sáng tạo thực hiện các nội dung tích hợp, đổi mới phương pháp giảng dạy và học theo quan điểm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; 90% trở lên CBQL ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy; trường có máy vi tính phục vụ hoạt động chuyên môn, được kết nối Internet và được khai thác, sử dụng có hiệu quả (3 điểm).

4.11. Huy động được 60% trở lên trẻ khuyết tật đến trường học hoà nhập, 100% trẻ khuyết tật học hoà nhập có đủ hồ sơ theo qui định, cuối năm được đánh giá theo sự tiến bộ của trẻ (1 điểm).

5. Công tác quản lý: 30 điểm

5.1. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra chuyên môn; thực hiện đánh giá giáo viên, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn; Làm tốt công tác Kiểm định chất lượng giáo dục, hoàn thành tự đánh giá và được đánh giá ngoài từ cấp độ I trở lên; tăng cường giám sát, quản lý về chất lượng và số lượng của tài liệu, đồ dùng, đồ chơi trang thiết bị trong nhà trường (5 điểm).

5.2. Quản lý tốt các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, tăng tỷ lệ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực được cấp phép hoạt động (2 điểm).

5.3. Tham gia tập huấn cấp huyện cấp tỉnh có chất lượng. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn hội thảo tham quan học tập cho cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường. Chỉ đạo và triển khai có hiệu quả các chuyên đề (4 điểm).

5.4. Chỉ đạo, tổ chức các hội thi nghiêm túc có chất lượng, tham gia Hội thi các cấp đạt kết quả cao (6 điểm).

5.5. Tổ chức tốt phong trào viết và áp dụng Sáng kiến, có nhiều sáng kiến được xếp loại cấp huyện, cấp ngành (2 điểm).

5.6. Đảm bảo tỷ lệ giáo viên trên nhóm lớp; bố trí và sắp xếp đúng vị trí việc làm cho người lao động; đảm bảo chế độ quyền lợi cho người lao động và trẻ mầm non (3 điểm).

5.7. Nhà trường đảm bảo 3 công khai; thực hiện quản lý tài chính, tài sản đúng nguyên tắc; không có CBQL, giáo viên, nhân viên vi phạm kỷ luật (3 điểm).

5.8. Làm tốt công tác XHHGD, huy động được sự tham gia của các bậc cha mẹ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, thu hút nhiều nguồn lực đầu tư cho GDMN (2 điểm).

5.9. Gửi báo cáo, cung cấp thông tin về Phòng GD&ĐT đầy đủ, chính xác, kịp thời (3 điểm).

Căn cứ nội dung, tiêu chí đánh giá thi đua theo quy định trên, cuối năm học đề nghị các nhà trường tự kiểm tra đánh giá, tự chấm điểm (tự chấm điểm, có minh chứng cụ thể) gửi báo cáo về PGD&ĐT vào ngày 20/5/2017. Phòng GD&ĐT căn cứ kết quả theo dõi hoạt động các nhà trường trong năm học và tham khảo kết quả tự đánh giá của các đơn vị để xây dựng dự thảo đánh giá, thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng của ngành duyệt và trình lãnh đạo Phòng quyết định./.

Nơi nhận:

- Phòng MN – Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- Các trường MN (để thực hiện);
- Lưu VT, MN.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Vũ Thị Lan

BIỂU ĐÁNH GIÁ THI ĐUA CÁC TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2016 - 2017
(Theo nội dung Công văn số 470/PGDĐT-GDMN ngày 5 tháng 10 năm 2016)

Stt	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đạt
1	Việc tuyên truyền, triển khai thực hiện các văn bản:	5.0	
	1.1. Triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Phòng GD&ĐT về GDMN. - Có sổ theo dõi công văn đi, đến, cập nhật đầy đủ, kịp thời, lưu giữ đầy đủ, khoa học. (Có sổ theo dõi công văn đi, đến nhưng ghi không đầy đủ mỗi mức độ trừ 0.25đ) - Các văn bản được triển khai thể hiện rõ trong nghị quyết. (Triển khai các văn bản trong nghị quyết ghi không đầy đủ mỗi mức độ trừ 0.25đ)	1.0 1.0	
	1.2. Tiếp tục triển khai hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành với việc làm cụ thể, thiết thực, hiệu quả. - Có kế hoạch và triển khai đầy đủ. - Chứng minh được kết quả.	0.5 0.5	
	1.3. Có nhiều hình thức sinh động, sáng tạo trong công tác phổ biến kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non cho các bậc cha mẹ và tuyên truyền GDMN trong cộng đồng. - Tuyên truyền qua họp phụ huynh - Tuyên truyền qua Pano, tranh... - Tuyên truyền qua đài phát thanh xã - Các hình thức khác (website, mạng xã hội...)	0.25 0.25 0.25 0.25	
	1.4. Có ít nhất 2 bài viết đăng trên Website của, Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT hoặc báo, tạp chí (Nêu rõ tên bài, ngày đăng, tạp chí đăng ...) - Mỗi bài viết được đăng trên website của PGD được (0.5 điểm). Nếu có 1 bài đăng trên trang SGD được tối đa 1.0 điểm.	1.0	
2	Công tác phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi	5.0	
	2.1. Huy động nhiều nguồn lực đầu tư CSVC nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn phổ cập. - Huy động nguồn lực từ ngân sách địa phương. - Huy động nguồn lực từ XHH.	0.5 0.5	

	2.2. Hồ sơ phổ cập đầy đủ; điều tra, thống kê, cập nhật số liệu lên hệ thống chính xác, kịp thời. - Có đầy đủ hồ sơ, đảm bảo chất lượng, thực hiện đúng thời hạn. (thiếu từ 01 loại hồ sơ trở lên trừ 0,5 đ) - Số liệu báo cáo chính xác (Số liệu các báo cáo không chính xác từ 3 lần trở lên mỗi mức độ trừ 0.25 đ; Các báo cáo không đảm bảo thời gian từ 3 lần trở lên mỗi mức độ trừ 0.25 đ)	1.0	
	- Số liệu báo cáo không chính xác từ 3 lần trở lên mỗi mức độ trừ 0.25 đ; Các báo cáo không đảm bảo thời gian từ 3 lần trở lên mỗi mức độ trừ 0.25 đ)	1.0	
	2.3. Xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn PCGD năm 2016 (Xã, thị trấn không được công nhận lại không có điểm)	2.0	
	Qui mô trường, lớp, cơ sở vật chất trường học:	30	
3	3.1. Qui mô trường, lớp mầm non đáp ứng nhu cầu của phụ huynh và phù hợp Điều lệ trường MN. - Có dưới 3 điểm trường. - Cơ cấu nhóm lớp cân đối (tỷ lệ nhóm trẻ/tổng số nhóm lớp không dưới 25%)	1.0	
		1.0	
	3.2. Tỷ lệ huy động - Tỷ lệ huy động nhà trẻ 46.4%. Từ 40 đến dưới 46,4% (0.75 điểm). Từ 35 đến dưới 40% (0.5 điểm). Từ 25 đến dưới 35% (0.25 điểm). Dưới 25% (0 điểm). - Tỷ lệ huy động mẫu giáo 98.5% trở lên. Từ 90% đến dưới 98.5% (0.75 điểm). Từ 80 đến dưới 90% (0.5 điểm). Từ 60 đến dưới 80% (0.25 điểm). Dưới 60% (0 điểm) - Huy động trẻ 5 tuổi đạt 100%. Không đạt 100% (0 điểm) - 1 trong 3 nội dung trên có tỉ lệ cao hơn năm trước	1.0	
		1.0	
		1.0	
		1.0	
	3.3. Quy hoạch điểm trường - Các điểm trường có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Không có giấy chứng nhận không có điểm) - 100% các điểm có tường bao, sân chơi, cổng trường, biển trường đảm bảo an toàn cho trẻ. (đạt 80% - dưới 100% các điểm trừ 0.25đ, dưới 80% trừ 0.5đ) - Trường chỉ có 1 điểm trung tâm hoặc giảm điểm trường so với năm học trước	1.0	
		1.5	
		1.5	
	3.4. Công trình vệ sinh - 100% các điểm trường có đủ công trình vệ sinh đúng quy cách. (tự hoại khép kín hoặc xây liền kề nhóm, lớp, có phân biệt giới tính đối với trẻ MG) (Đạt 80% - dưới 100% đúng	1.0	

quy cách trừ 0.25đ, dưới 80% trừ 0.5đ) - 100% điểm trường có nguồn nước sạch cho trẻ sử dụng. (đạt 80% - dưới 100% trừ 0.25đ, dưới 80% trừ 0.5đ)	1.0	
3.5. Bếp ăn bán trú - Trường có ít nhất 01 bếp ăn bán trú, có đủ đồ dùng dụng cụ nhà bếp, bếp được sắp xếp theo quy trình 1 chiều đảm bảo VSATTP (không đạt theo quy định trừ 0.25đ, căn cứ vào kết quả kiểm tra bếp ăn) - Có đầy đủ hồ sơ sổ sách bán trú và biểu bảng theo quy định, hồ sơ cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời. (Nội dung cập nhật không đầy đủ, không kịp thời vi trừ 0.25đ; biểu bảng thiếu 1 loại trừ 0.25đ) - Thực hiện lưu mẫu thức ăn đảm bảo đúng nguyên tắc.	1.0 0.5 0.5	
3.6. Mô hình “Trường học tăng cường giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non” - Trường thực hiện mô hình “Trường học tăng cường giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non”: Xếp loại Tốt (1.0 điểm), Khá (0,5 điểm), TB, yếu (0 điểm)	1.0	
3.7. Phòng học - 100% nhóm, lớp có đủ phòng học. (Thiếu phòng học trừ 0.25 điểm) - Có đủ phòng chức năng : Phòng HT, PHT, phòng hội đồng, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng hoạt động âm nhạc, phòng vệ sinh CBGV. (Mỗi một phòng chức năng thiếu trừ 0.25 điểm) - Nhóm, lớp có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu theo Thông tư 02 của Bộ GD&ĐT. (100% lớp 5 tuổi có đủ đồ dùng theo quy định, các độ tuổi khác đạt 80% trở lên đạt 1đ, đạt dưới mức quy định trừ 0.25 đ) - Tỷ lệ phòng học đảm bảo kiên cố cao tầng đạt 90% trở lên hoặc tăng so với năm học trước. (Không đạt theo quy định trừ 0.25đ) - 80% trở lên phòng học đủ diện tích (tính diện tích phòng học bình quân trên trẻ đảm bảo trung bình 1,5 - 1,8 m² cho một trẻ; đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng)	1.0 1.0 1.0 1.0 1.0	
3.8. Trường chuẩn Quốc gia - Trong năm học trường đạt chuẩn Quốc gia hoặc công nhận lại sau 5 năm (10.0 điểm). (Được SGD kiểm tra kỹ thuật 8.0 điểm). Trường có kế hoạch, lộ trình, xây dựng trường chuẩn Quốc gia 5.0điểm)	10.0	
Chất lượng chăm sóc, giáo dục:	30	

4	4.1. An toàn cho trẻ Đảm bảo tuyệt đối an toàn về thân thể và tinh thần cho trẻ. <i>Nếu trong năm học có trẻ bị ảnh hưởng đến an toàn thân thể (0 điểm)</i>	2.0	
	4.2. Sức khỏe, dinh dưỡng. - Phối hợp với y tế khám sức khỏe và tổ chức cân đo, phân loại sức khỏe trẻ theo qui định, đảm bảo phản ánh đúng thể lực của trẻ. - Giảm tỷ lệ trẻ suy dưỡng so với đầu năm từ 1% trở lên. - Tỷ lệ trẻ SDD ở mỗi thể còn dưới 3 %.	1.0 1.0 1.0	
	4.3. Bán trú - Tỷ lệ trẻ ăn bán trú tăng với năm học trước từ 3% trở lên. - Tỷ lệ bán trú: NT: 85% trở lên, MG: 90% trở lên. - Trẻ 5 tuổi ăn bán trú đạt: 100%.	1.0 1.0 1.0	
	4.4. Công trình vệ sinh - 100% công trình vệ sinh được trang trí đẹp mắt, phù hợp với trẻ, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ - Các công trình có đủ thiết bị đảm bảo an toàn cho trẻ sử dụng - Xây dựng được ít nhất 1 nhà vệ sinh theo mô hình điểm “Nhà vệ sinh phù hợp với trẻ mầm non” đảm bảo chất lượng hiệu quả	2.0 1.0 2.0	
	4.5. Bếp ăn - 100% bếp ăn được bố trí, sắp xếp đúng quy trình một chiều - Có đủ đồ dùng, trang thiết bị đảm bảo an toàn cháy nổ, đảm bảo an toàn VSTP - Có đủ bảng biểu thường xuyên công khai thực đơn. - Công khai tài chính tới phụ huynh	1.0 1.0 1.0 1.0	
	4.6. Nhà trường có biện pháp tích cực chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu trong ngày.	2.0	
	4.7. - Tăng tỷ lệ trẻ đến trường, nhóm, lớp MN so với năm trước. - Giảm tỷ lệ trẻ tại các nhóm lớp độc lập so với năm trước. - 100% trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ ngày theo Chương trình GDMN (1 đ).	0.5 0.5 1.0	
	4.8. Học đúng độ tuổi - Có 90% trở lên nhóm, lớp được phân tách, học theo đúng độ tuổi, có phòng học riêng. <i>(Không đảm bảo một trong các yêu cầu trên trừ 0.5 điểm)</i> - 100% trẻ 5 tuổi được học đúng chương trình theo độ tuổi. <i>(Nếu không đạt 100% trừ 0.5 điểm)</i>	2.0 1.0	
	4.9. Đánh giá trẻ - Thực hiện đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi	1.0	

nghiêm túc có chất lượng. - Chỉ đạo đánh giá cuối độ tuổi đối với trẻ em dưới 5 tuổi phù hợp.	1.0	
4.10. Tích hợp và ứng dụng CNTT - Có nhiều giải pháp sáng tạo thực hiện các nội dung tích hợp, đổi mới phương pháp giảng dạy và học theo quan điểm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” - 100% Quản lý, 90% giáo viên ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, giảng dạy và chăm sóc giáo dục trẻ hiệu quả - Trường được kết nối Internet và sử dụng có hiệu quả	2.0 0.5 0.5	
4.11. Huy động trẻ khuyết tật - Huy động 50% trở lên trẻ khuyết tật được giáo dục hoà nhập tại trường - 100% trẻ khuyết tật học hoà nhập có đủ hồ sơ, được đánh giá theo sự tiến bộ của trẻ	0.5 0.5	
Công tác quản lý:	30	
5.1. - Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra chuyên môn - Thực hiện đánh giá giáo viên, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn đảm bảo qui trình, đúng thực chất - Trường hoàn thành tự đánh giá (0,5 đ); được đánh giá ngoài đạt cấp độ I trở lên (0,5 đ) - Giám sát, quản lý tốt về số lượng và chất lượng của tài liệu, đồ dung, đồ chơi trang thiết bị trong trường hiệu quả.	1.0 1.0 1.0 2.0	
5.2. - Quản lý tốt nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập trên địa bàn. - 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực được cấp phép hoạt động.	1.0 1.0	
5.3. - Tham gia tập huấn cấp huyện, cấp tỉnh có chất lượng. - Tổ chức bồi dưỡng, chuyên môn, hội thảo tham quan học tập. - Triển khai, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chuyên đề.	1.0 1.0 2.0	
5.4. Các hội thi. - Nếu có giáo viên đạt giải cấp tỉnh (6.0 điểm) mà không phụ thuộc vào thứ hạng. <i>Nếu không có giáo viên đạt giải cấp tỉnh thì dựa vào bảng tổng hợp kết quả của tất cả các hội thi cấp huyện và tính điểm cho các đơn vị như sau: Xếp từ 1 đến 6 (5.0 điểm), từ 7 đến 12 (4.0 điểm), từ 13 đến 18 (3.0 điểm), từ 19 đến 21 (2.0 điểm)</i>	6.0	

5.5. Viết SK (xếp loại cấp huyện trở lên) - Có nhiều hơn 3 sáng kiến (2 điểm) Có 2 sáng kiến (1.5 điểm) Có 1 sáng kiến (1.0 điểm) Không có sáng kiến hoặc có sáng kiến vi phạm (0 điểm)	2.0	
5.6. - Đảm bảo tỷ lệ giáo viên trên nhóm lớp - Bố trí sắp xếp đúng vị trí việc làm cho người lao động. - Đảm bảo chế độ, quyền lợi cho người lao động, cho trẻ mầm non.	1.0 1.0 1.0	
5.7. Công khai - Đảm bảo 3 công khai. - Thực hiện quản lý tài chính, tài sản đúng nguyên tắc. - Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm kỷ luật.	1.0 1.0 1.0	
5.8. Xã hội hóa - Làm tốt công tác XHHGD, huy động được sự tham gia của cộng đồng, thu hút nhiều nguồn lực đầu tư cho GDMN (2.0 điểm) - Nếu làm sai quy trình (0 điểm)	2.0	
5.9. Thông tin báo cáo - Gửi báo cáo, cung cấp thông tin về phòng đầy đủ, kịp thời. - Thông tin báo cáo đảm bảo thống nhất, chính xác.	1.0 2.0	
TỔNG ĐIỂM	100	